

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: ~~72~~ /2008/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Xoài, ngày ~~27~~ tháng 10 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư
cho các nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 và Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 81/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất và Nghị định số 44/2008/NĐ-CP ngày 09/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/2/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ Quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ Quy định về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT-BKH-BTC-BCA ngày 29/7/2008 của Bộ Kế hoạch & Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Công an về việc hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký con dấu đối với DN thành lập, hoạt động theo Luật DN;

Thực hiện Quyết định số 2656/QĐ-UBND ngày 24/12/2007 của UBND tỉnh về việc ban hành giá các loại đất trên địa bàn tỉnh;

Thực hiện Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 22/2/2008 của UBND tỉnh ban hành Quy định về thủ tục, trình tự đầu tư và cơ chế phối hợp giải quyết các vấn đề liên quan đến đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch & Đầu tư tại Tờ trình số 1365/TT-SKHĐT ngày 09/09/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

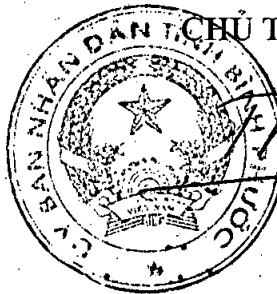
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư cho các Nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 124/2006/QĐ-UB ngày 29/12/2006 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư cho các Nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH



Trương Tấn Chiểu

Nơi nhận:

- Văn phòng CP;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra văn bản (BTP);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH;
- Chủ tịch, các PCT;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP, CV các khối;
- TT Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

QUY ĐỊNH

**Về chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư
cho các nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-UBND ngày 27/10/2008 của UBND tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cam kết thực hiện đầy đủ các chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh với mức ưu đãi nhất theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành các Luật này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Ngoài những quy định chính sách ưu đãi đầu tư chung, tỉnh Bình Phước quy định các chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh theo các Điều, Khoản được nêu trong văn bản này.

Điều 2.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước đảm bảo thực hiện đầy đủ, thuận lợi, nhanh chóng và ổn định, lâu dài những chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư áp dụng trên địa bàn tỉnh.

2. Các Nhà đầu tư đang được hưởng các ưu đãi đầu tư quy định tại Luật khuyến khích đầu tư trong nước, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Luật Hợp tác xã và các Luật Thuế được tiếp tục hưởng các ưu đãi đầu tư quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư đã được cấp.

3. Trường hợp pháp luật, chính sách mới được ban hành có các quyền lợi và ưu đãi cao hơn với quyền lợi và ưu đãi mà Nhà đầu tư đã được hưởng trước đó thì Nhà đầu tư được hưởng các quyền lợi, ưu đãi mới trong thời gian ưu đãi còn lại (nếu có) kể từ ngày pháp luật, chính sách mới có hiệu lực.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư được quyền lựa chọn lĩnh vực đầu tư, hình thức đầu tư, quy mô đầu tư, địa bàn đầu tư phù hợp theo quy hoạch, trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu, tiêu thụ sản phẩm và các quyền khác theo quy định của pháp luật. Được đăng ký kinh doanh một hoặc nhiều ngành nghề, thành lập Doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Được các cơ quan chức năng của tỉnh tạo mọi điều kiện thuận lợi về môi trường pháp lý và cung cấp nhanh chóng, kịp thời các thông tin về quy hoạch, địa bàn,

danh mục dự án đầu tư và các thông tin, số liệu cần thiết khác theo yêu cầu của nhà đầu tư trong phạm vi pháp luật cho phép.

2. Nhà đầu tư có nghĩa vụ tuân thủ các quy định pháp luật về hoạt động Doanh nghiệp, về đầu tư và các quy định pháp luật liên quan khác của nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Thực hiện đúng tiến độ, thời gian, chuẩn bị các thủ tục đầu tư theo chủ trương chấp thuận đầu tư của tỉnh, triển khai dự án đầu tư đúng tiến độ, thời gian theo qui định của pháp luật.

Điều 4. Danh mục dự án gọi vốn đầu tư – lĩnh vực, địa bàn ưu đãi đầu tư

1. Danh mục dự án gọi vốn đầu tư: (Theo Phụ lục I đính kèm).

2. Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư: (Theo Phụ lục II đính kèm).

3. Địa bàn ưu đãi đầu tư: (Theo Phụ lục III đính kèm).

Chương II

CÁC CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH VÀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ CHUNG

Điều 5. Xây dựng kết cấu hạ tầng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước có trách nhiệm đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu như: Hệ thống điện, hệ thống thông tin liên lạc, đường giao thông đến bên ngoài hàng rào các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào Khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp bằng các hình thức như: BOT, BOO, BT ... và các hình thức khác:

3. Trường hợp nhà đầu tư kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp bỏ vốn xây dựng kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào các khu kinh tế, khu công nghiệp (doanh nghiệp đầu tư trước thay cho tỉnh); doanh nghiệp sẽ được Ủy ban nhân dân tỉnh thanh toán lại bằng cách khấu trừ vào tiền thuê đất; tiền sử dụng đất mà Doanh nghiệp còn phải nộp hoặc trả dần giá trị đầu tư công trình cho nhà đầu tư trong thời hạn 5 năm kể từ ngày công trình hoàn thành và được nghiệm thu cùng với lãi suất tiền gửi tiết kiệm (lãi suất tiền gửi tiết kiệm bình quân của các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh ở thời điểm công trình hoàn thành).

4. Ủy ban nhân dân tỉnh tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ở địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn để tạo điều kiện cho các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

Điều 6. Bồi thường giải phóng mặt bằng

1. Các dự án do nhà đầu tư tự chọn địa điểm để thuê đất thô hoặc xin giao đất để đầu tư theo mục tiêu của nhà đầu tư và phù hợp với quy hoạch được duyệt, nhà đầu tư sẽ được Ủy ban nhân dân các cấp hỗ trợ trong việc xác định chi phí đền bù, tái định cư theo chính sách chung và tổ chức giải phóng mặt bằng. Nhà đầu tư chi trả toàn bộ chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư và kinh phí tổ chức thực hiện theo tiến độ và được hỗ trợ trừ vào tiền thuê đất, sử dụng đất nếu dự án được triển khai đúng mục tiêu dự án đề ra (phần được khấu trừ tối đa không quá tiền thuê đất, sử dụng đất phải nộp).

2. Trường hợp nhà đầu tư tự thoả thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với chủ sử dụng đất thì tiền chi trả để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất được trừ vào tiền thuê đất, sử dụng đất nhưng tối đa không quá mức chi phí đền bù theo qui định của tỉnh tại thời điểm chuyển nhượng và không quá tiền thuê đất, sử dụng đất phải nộp.

Điều 7. Trường hợp chuyển nhượng dự án

Trong quá trình triển khai dự án, nếu nhà đầu tư gặp khó khăn mà đã hoàn thành cơ bản phần xây dựng hạ tầng kỹ thuật thì được chuyển nhượng dự án nhưng dự án của nhà đầu tư mới phải phù hợp với mục tiêu quy hoạch và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận. Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng do nhà đầu tư đã chi và tiền thuê đất nộp trước còn lại (nếu có) do hai bên tự thoả thuận. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng và các ngành có liên quan hướng dẫn nhà đầu tư mới làm các thủ tục giao đất hoặc thuê đất kể từ ngày hoàn thành chuyển nhượng cho nhà đầu tư mới và các thủ tục chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất. Giá thuê đất, tiền sử dụng đất còn lại tính theo giá tại thời điểm chuyển nhượng và số năm giao đất hoặc thuê đất còn lại chưa thanh toán.

Điều 8. Ưu đãi về giá thuê đất

1. Giá thuê đất:

a) Giá đất dùng cho sản xuất kinh doanh được tính bằng 50% giá đất phi nông nghiệp cùng loại.

b) Dự án đầu tư trên địa bàn thị xã Đồng Xoài: Đơn giá cho thuê đất là 0,5%/năm trên đơn giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

c) Dự án đầu tư trên địa bàn các huyện Bình Long, Chơn Thành, Đồng Phú: Đơn giá thuê đất là 0,3%/năm trên đơn giá đất theo mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

d) Dự án đầu tư trên địa bàn các huyện Lộc Ninh, Phước Long, Bù Đăng, Bù Đốp: Đơn giá thuê đất là 0,25%/năm trên đơn giá đất theo mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

e) Các dự án đầu tư có vị trí đất nằm trên địa bàn huyện, thị này nhưng lại tiếp giáp với các huyện, thị khác (có đường ranh chung) thì được áp dụng đơn giá thuê đất của huyện, thị ưu đãi nhất.

2. Miễn, giảm tiền thuê đất.

a) Dự án đầu tư được thực hiện tại địa bàn thị xã Đồng Xoài được miễn 03 năm nếu thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư; được miễn 07 năm nếu thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư theo Phụ lục II.

b) Dự án đầu tư được thực hiện tại địa bàn các huyện: Bình Long, Chơn Thành, Phước Long, Đồng Phú được miễn 07 năm; nếu thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư theo Phụ lục II được miễn 11 năm; nếu thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư theo Phụ lục II được miễn 15 năm.

c) Dự án đầu tư tại địa bàn huyện: Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Đăng được miễn 11 năm; nếu thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư theo Phụ lục II được miễn 15 năm; nếu thuộc

lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư theo Phụ lục II được miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê đất.

3. Miễn, giảm tiền sử dụng đất.

a) Được miễn tiền sử dụng đất đối với dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn các huyện: Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Đăng.

b) Được giảm 50% tiền sử dụng đất trong các trường hợp:

- Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư tại địa bàn huyện: Đồng Phú, Bình Long, Phước Long, Chơn Thành.

- Dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn các huyện: Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Đăng.

c) Được giảm 30% tiền sử dụng đất trong các trường hợp sau đây:

- Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư tại địa bàn các huyện: Đồng Phú, Bình Long, Phước Long, Chơn Thành.

- Dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư tại thị xã Đồng Xoài.

- Dự án đầu tư tại các huyện: Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Đăng.

d) Được giảm 20% tiền sử dụng đất trong các trường hợp sau:

- Dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư tại thị xã Đồng Xoài.

- Dự án đầu tư tại địa bàn các huyện: Đồng Phú, Bình Long, Phước Long, Chơn Thành.

4. Các dự án hoạt động trong lĩnh vực xã hội hoá giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường mà đầu tư ngoài địa bàn phường, thị trấn của tỉnh được miễn nộp tiền thuê đất, miễn nộp tiền sử dụng đất. Trường hợp chủ đầu tư đã ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án xã hội hóa theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì số kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã đầu tư đối với diện tích đất phục vụ hoạt động xã hội hóa sẽ được ngân sách nhà nước hoàn trả.

Điều 9. Ưu đãi miễn, giảm thuế

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Nguyên tắc thực hiện ưu đãi Thuế thu nhập Doanh nghiệp

- Các ưu đãi về Thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ áp dụng đối với cơ sở kinh doanh đáp ứng một trong các điều kiện được ưu đãi Thuế thu nhập doanh nghiệp như: cơ sở sản xuất mới thành lập; cơ sở kinh doanh di chuyển địa điểm ra khỏi đô thị theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; cơ sở kinh doanh đang hoạt động có dự án đầu tư lắp đặt máy chuyên sản xuất mới và một số trường hợp cụ thể khác.

- Cơ sở kinh doanh thực hiện chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định và đăng ký, nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp theo kê khai.

- Năm miễn thuế, giảm thuế xác định phù hợp với kỳ tính thuế. Thời điểm bắt đầu tính thời gian miễn thuế, giảm thuế tính liên tục kể từ kỳ tính thuế đầu tiên cơ sở kinh doanh bắt đầu có thu nhập chịu thuế.

b) Thuế suất Thuế thu nhập Doanh nghiệp ưu đãi và thời hạn áp dụng thuế suất Thuế thu nhập Doanh nghiệp.

- **Mức thuế suất 20% áp dụng trong thời gian 10 năm, kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh đối với:**

Cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư thực hiện tại địa bàn thị xã Đồng Xoài;

Cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, gồm các huyện: Chơn Thành, Bình Long, Phước Long, Đồng Phú.

- **Mức thuế suất 15% áp dụng trong thời gian 12 năm, kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh đối với:**

Cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, gồm các huyện: Chơn Thành, Bình Long, Phước Long, Đồng Phú.

- **Mức thuế suất 10% áp dụng trong thời gian 15 năm, kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh đối với:**

Cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư.

Cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gồm các huyện: Lộc Ninh, Bù Đăng, Bù Đốp.

Trường hợp cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư và có ảnh hưởng lớn về kinh tế, xã hội cần khuyến khích cao hơn, áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ căn cứ theo đề nghị của UBND tỉnh và Bộ Tài chính.

Năm bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh để xác định thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi là năm đầu tiên cơ sở kinh doanh phát sinh doanh thu.

Hết thời gian áp dụng mức thuế suất ưu đãi này, cơ sở kinh doanh nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

c) Mức và thời gian miễn thuế, giảm thuế thu nhập Doanh nghiệp.

- Cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư, cơ sở sản xuất mới thành lập và cơ sở kinh doanh di chuyển địa điểm miễn thuế, giảm thuế như sau:

+ Miễn thuế 02 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 02 năm tiếp theo đối với:

Cơ sở sản xuất mới thành lập.

Cơ sở kinh doanh di chuyển địa điểm ra khỏi đô thị theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Miễn thuế 02 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo đối với: Cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư.

+ Miễn thuế 02 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 06 năm tiếp theo đối với:

Cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và cơ sở kinh doanh di chuyển đến địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Chơn Thành, Bình Long, Phước Long, Đồng Phú).

+ Miễn thuế 03 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Chơn Thành, Bình Long, Phước Long, Đồng Phú).

+ Miễn thuế 04 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo đối với:

Cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư.

Cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư và cơ sở kinh doanh di chuyển thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Lộc Ninh, Bù Đăng, Bù Đốp).

- Cơ sở kinh doanh đang hoạt động có đầu tư lắp đặt dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại như sau:

+ Miễn 01 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 02 năm tiếp theo đối với dự án đầu tư lắp đặt dây chuyền sản xuất mới không thuộc lĩnh vực, địa bàn khuyến khích đầu tư quy định tại Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư, Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư, Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

+ Miễn 01 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 04 năm tiếp theo đối với dự án đầu tư vào lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư hoặc thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

+ Miễn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo đối với dự án đầu tư vào lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

+ Miễn 03 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 05 năm tiếp theo đối với dự án đầu tư vào lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

+ Miễn 03 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo đối với dự án đầu tư vào lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư và thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

+ Miễn 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo đối với dự án đầu tư vào lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, dự án đầu tư vào lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư và thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Cơ sở kinh doanh miễn Thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần thu nhập có được trong các trường hợp sau đây:

+ Phần thu nhập từ việc thực hiện các hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ.

+ Phần thu nhập từ doanh thu bán sản phẩm trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm theo đúng quy trình sản xuất, nhưng tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày bắt đầu sản xuất thử nghiệm.

+ Phần thu nhập từ doanh thu bán sản phẩm làm ra từ công nghệ mới, lần đầu tiên áp dụng tại Việt Nam, nhưng tối đa không quá 01 năm kể từ ngày bắt đầu áp dụng công nghệ mới này để sản xuất ra sản phẩm.

+ Phần thu nhập từ việc thực hiện các hợp đồng dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp.

+ Phần thu nhập từ hoạt động dạy nghề dành riêng cho người dân tộc thiểu số.

+ Phần thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ của cơ sở kinh doanh dành riêng cho lao động là người tàn tật.

+ Phần thu nhập từ hoạt động dạy nghề dành riêng cho người tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng tị nạn xã hội.

- Miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các trường hợp sau:

Miễn thuế cho phần thu nhập của các nhà đầu tư nhận được do góp vốn bằng: Bằng sáng chế, bí quyết kỹ thuật, quy trình công nghệ, dịch vụ kỹ thuật.

Cơ sở kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng số lao động có mặt thường xuyên; hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của cơ sở kinh doanh được giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi cho lao động nữ hướng dẫn tại điểm 2.13 Mục III, Phần B Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/2/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp nếu hạch toán riêng được.

d) Thủ tục thực hiện ưu đãi thuế thu nhập Doanh nghiệp.

Cơ sở kinh doanh tự xác định các điều kiện ưu đãi thuế, mức thuế suất ưu đãi, thời gian miễn thuế, giảm thuế, số lỗ được trừ (-) vào thu nhập chịu thuế.

2. Ưu đãi miễn, giảm thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu.

Nhà đầu tư khi nhập khẩu thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và vật tư xây dựng thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của Doanh nghiệp được miễn thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.

3. Ưu đãi miễn, giảm thuế nhập khẩu.

Nhà đầu tư được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 10. Các ưu đãi khác.

1. Ưu đãi chi phí quảng cáo.

Trong vòng 3 (ba) năm, kể từ khi dự án đầu tư thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư của tỉnh Bình Phước hoặc đầu tư vào địa bàn thuộc Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư do Chính phủ ban hành tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP đi vào hoạt động, các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước được hỗ trợ 50% chi phí quảng cáo sản phẩm theo Pháp lệnh quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh (Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước) mức hỗ trợ tối đa không quá 02 triệu đồng/lần và tối đa 06 lần/năm.

2. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực.

2.1. Đối tượng được hỗ trợ đào tạo

Các dự án, các lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh thuộc phụ lục danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư của tỉnh Bình Phước.

2.2. Hình thức và kinh phí hỗ trợ đào tạo:

2.2.1. Hỗ trợ mở các lớp đào tạo ngắn ngày:

Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ kinh phí để tổ chức mở các lớp bồi dưỡng tập trung ngắn ngày để hỗ trợ các doanh nghiệp như sau:

- Lớp marketing, nghiên cứu thị trường, nghiệp vụ,...
- Kiến thức áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO.
- Kiến thức quản lý và điều hành doanh nghiệp cho cán bộ lãnh đạo, quản lý của doanh nghiệp.
- Kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế và WTO..v.v..

2.2.2. Hỗ trợ đào tạo nghề:

*** Các tiêu chí hỗ trợ đào tạo:**

Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước có dự án, ngành nghề sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng theo khoản 2.1 nêu trên, nếu có nhu cầu đào tạo nghề sẽ được tỉnh hỗ trợ một phần kinh phí để đào tạo theo các tiêu chí như sau:

- Thời gian đào tạo theo khóa (khóa từ 1 - 3 tháng và khóa từ 4 - 6 tháng)
- Ngành nghề đào tạo gồm: các ngành nghề mà trung tâm đào tạo của tỉnh hoặc của huyện có khả năng đào tạo.

- Số lượng lao động đào tạo tối đa không quá 200 lao động/1DN/năm và mỗi lao động chỉ được đào tạo 1 lần trong suốt thời gian làm việc tại doanh nghiệp.

- Kế hoạch, nội dung kinh phí cụ thể và nhu cầu đào tạo nghề theo đề nghị của các doanh nghiệp sẽ do Sở Lao động Thương binh và Xã hội xem xét và trình UBND tỉnh phê duyệt.

*** Mức kinh phí hỗ trợ đào tạo:**

- Lao động đào tạo với thời gian từ 1 – dưới 3 tháng thì mức kinh phí nhà nước hỗ trợ tối đa là 300.000đ/người/khóa.

- Lao động đào tạo với thời gian từ 3 tháng đến 6 tháng thì mức kinh phí nhà nước hỗ trợ tối đa là 500.000đ/người/khóa.

- Phần kinh phí đào tạo còn lại (nếu có) do các doanh nghiệp có lao động đi đào tạo tự cân đối và chi trả cho các trung tâm đào tạo của tỉnh hoặc huyện, thị.

Điều 11. Hỗ trợ tư vấn xúc tiến đầu tư

1. Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ một phần kinh phí cho các doanh nghiệp có dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư của tỉnh Bình Phước hoặc vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn khi tham gia hội chợ, triển lãm để tìm kiếm, mở rộng thị trường. Hỗ trợ 30% kinh phí xây dựng thương hiệu mang tầm cỡ quốc gia và quốc tế. Đối với quảng bá thương hiệu mức hỗ trợ là 70% theo quy định tại điểm 1.6 Phần II Thông tư số 86/2002/TT-BTC ngày 27 tháng 9 năm 2002 của Bộ Tài chính, nội dung chương trình được hỗ trợ quy định tại Điều 9 trong Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 279/2005/QĐ-UB ngày 3/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Nhà đầu tư đến liên hệ đầu tư từ trước thông tin môi trường đầu tư tại Bình Phước có thể trực tiếp liên hệ Trung tâm Xúc tiến Đầu tư của tỉnh (là đơn vị sự nghiệp hoạt động hỗ trợ xúc tiến đầu tư, trực thuộc Sở Kế hoạch & Đầu tư), Ban quản lý các Khu công nghiệp hoặc Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư để yêu cầu cung cấp thông tin đầu tư, đề nghị hỗ trợ, tư vấn pháp lý đầu tư miễn phí.

Nhà đầu tư được đưa thông tin lên Website của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Sở Kế hoạch & Đầu tư (miễn phí) nhằm xúc tiến quảng bá đầu tư kinh doanh thương mại, du lịch, giới thiệu hàng hoá của địa phương.

Chương III

**CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH VÀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ BỔ SUNG CHO
KCN – KHU KINH TẾ CỬA KHẨU HOA LƯ.**

Điều 12. Ưu đãi bổ sung cho Khu công nghiệp

1. Đối với những dự án đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp căn cứ vào quy hoạch chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh không tính tiền thuê đất đối với diện tích đất dùng cho các công trình công cộng trong Khu công nghiệp (đường giao thông, đường điện, cây xanh, dự án sử dụng đất xây dựng nhà chung cư cho công nhân...).

2. Giá thuê đất thô trong các Khu công nghiệp tập trung được tính bằng 80% mức giá thuê đất thô theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh được quy định tại khoản 1 điều 8 trong Quy định này.

3. Căn cứ mức ưu đãi quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, nhà đầu tư hạ tầng xây dựng mức giá thuê đất phù hợp cho các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp thuê lại để thực hiện dự án (doanh nghiệp thuê lại đất trong Khu công nghiệp cũng được hưởng ưu đãi tương ứng).

4. Thuế suất, thời gian áp dụng và thời gian miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án đầu tư trong khu công nghiệp:

a) Đối với dự án đầu tư hạ tầng khu công nghiệp:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 10% áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo.

b) Đối với dự án đầu tư vào khu công nghiệp đã được thành lập:

- Đối với lĩnh vực sản xuất:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% áp dụng trong thời gian 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh và thời gian còn lại thực hiện theo Luật thuế hiện hành.

Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo.

- Đối với lĩnh vực dịch vụ:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 20% áp dụng trong thời gian 10 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh và thời gian còn lại thực hiện theo Luật Thuế hiện hành.

Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 06 năm tiếp theo.

Điều 13. Ưu đãi trong khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

a) Mức thuế suất 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Hết thời hạn trên cơ sở kinh doanh nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp theo mức thuế suất của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

b) Được miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Năm miễn thuế, giảm thuế xác định phù hợp với kỳ tính thuế. Thời điểm bắt đầu tính thời gian miễn thuế, giảm thuế tính liên tục kể từ kỳ tính thuế đầu tiên cơ sở kinh doanh bắt đầu có thu nhập chịu thuế.

2. Về tiền thuê đất:

a) Được miễn 11 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động;

b) Được miễn 15 năm kể từ khi đi vào hoạt động đối với dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư;

c) Được miễn tiền thuê đất toàn bộ thời gian hoạt động đối với dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư.

3. Ưu đãi về cấp thị thực, xuất nhập cảnh.

Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư, chuyên gia và lao động kỹ thuật là người nước ngoài làm việc thường xuyên tại dự án được đầu tư tại khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư và các thành viên gia đình họ được cấp thị thực xuất cảnh, nhập cảnh nhiều lần, thời hạn của thị thực tối đa là 5 năm cho mỗi lần cấp.

Chương IV

CẢI TIẾN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Điều 14. Đầu mối tiếp nhận, giải quyết thủ tục đầu tư

Mọi thủ tục của các nhà đầu tư đều được hướng dẫn, thực hiện tại một đầu mối, đảm bảo thủ tục đơn giản, nhanh chóng và thuận lợi theo cơ chế "một cửa liên thông":

1. Đầu tư trên đất ngoài Khu công nghiệp, ngoài Khu kinh tế cửa khẩu: Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối tiếp nhận và tham mưu thực hiện.

2. Doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trên đất đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận quy hoạch Khu công nghiệp, trong Khu công nghiệp đã có nhà đầu tư hạ tầng do Ban quản lý các Khu công nghiệp trực tiếp làm đầu mối tiếp nhận và tổ chức thực hiện.

3. Đầu tư trên đất Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết: Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư làm đầu mối tiếp nhận và tổ chức thực hiện.

Trung tâm Xúc tiến Đầu tư có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan chức năng hoặc Ủy ban nhân dân các huyện, thị để giải quyết nhanh, đúng hạn các thủ tục đầu tư theo yêu cầu của nhà đầu tư theo thời gian quy định cụ thể tại Điều 19 của Quy định này.

Điều 15. Quy trình chấp thuận chủ trương đầu tư

1. Nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư nộp hồ sơ đề nghị đầu tư cho cơ quan đầu mối quy định tại Điều 14 của Quy định này.

2. Tổng hợp và thông qua Tổ tư vấn đầu tư: 05 ngày làm việc kể từ khi các đơn vị đầu mối nhận hồ sơ hợp lệ.

3. Tổ tư vấn đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh thuận chủ trương đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản thuận chủ trương hoặc không chấp thuận chủ trương sau 02 ngày làm việc.

Điều 16. Nội dung hồ sơ đề nghị đầu tư

Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của các nội dung đã kê khai trong hồ sơ đầu tư. Riêng văn bản của nhà đầu tư đề nghị về chủ trương đầu tư phải nêu rõ các nội dung sau đây:

- Mục tiêu dự án;
- Hình thức đầu tư và quy mô đầu tư của dự án;
- Địa điểm đầu tư (nếu có) và nhu cầu đất thực hiện dự án;
- Tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư.

Điều 17. Trình tự đầu tư

1. Trình tự đầu tư ngoài Khu công nghiệp, Khu kinh tế cửa khẩu.

Nhà đầu tư thực hiện theo các bước sau:

Bước 1. Gửi hồ sơ đề nghị đầu tư cho Sở Kế hoạch & Đầu tư;

Bước 2. Sau khi có văn bản thuận chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh, nhà đầu tư tiến hành khảo sát đất dự kiến giao, lập dự án đầu tư. Đối với các dự án xây dựng khu dân cư, đô thị, dự án xây dựng khu du lịch, dự án liên hợp ... trước khi lập dự án đầu tư thì nhà đầu tư tiến hành lập quy hoạch chi tiết (khuyến khích nhà đầu tư lập quy hoạch chung nếu diện tích trên 500ha) để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

Bước 3. Đăng ký kinh doanh, đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định hiện hành;

Bước 4. Triển khai giải phóng mặt bằng (nếu có);

Bước 5. Thực hiện đánh giá tác động môi trường, giao đất, cho thuê đất và triển khai dự án đầu tư theo Quy định.

2. Trình tự đầu tư trong Khu công nghiệp, Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư.

a) Trình tự thủ tục đối với nhà đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp, Khu kinh tế cửa khẩu.

Nhà đầu tư đầu tư vào lĩnh vực phát triển hạ tầng Khu công nghiệp, Khu kinh tế cửa khẩu, trình tự, thủ tục đầu tư thực hiện theo các bước sau:

Bước 1. Gửi Ban quản lý các khu công nghiệp, Ban quản lý khu kinh tế cửa khẩu hồ sơ đề nghị đầu tư. Ban quản lý các khu công nghiệp, Ban quản lý khu kinh tế cửa khẩu tiếp nhận đề nghị đầu tư, thông qua Tổ tư vấn đầu tư của tỉnh để trình Ủy ban nhân dân tỉnh thuận chủ trương đầu tư;

Bước 2. Sau khi có văn bản thuận chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh, nhà đầu tư tiến hành lập quy hoạch chi tiết (khuyến khích nhà đầu tư lập quy hoạch chung nếu diện tích trên 500ha) xây dựng Khu công nghiệp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Bước 3. Căn cứ Quy hoạch chi tiết được phê duyệt, nhà đầu tư lập dự án đầu tư gửi Ban quản lý các khu công nghiệp, Ban quản lý khu kinh tế cửa khẩu thẩm định;

Bước 4. Lập hồ sơ đăng ký đầu tư gửi Ban quản lý các khu công nghiệp, Ban quản lý khu kinh tế cửa khẩu để được cấp giấy chứng nhận đầu tư;

Bước 5. Nhà đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp lập văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập khu công nghiệp đã có trong quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghiệp Việt Nam;

Bước 6. Tiến hành giải phóng mặt bằng (nếu có);

Bước 7. Thực hiện đánh giá tác động môi trường, thủ tục thuê đất, thiết kế cơ sở (do Sở Xây dựng thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt), xin cấp giấy phép xây dựng, giấy chứng nhận sở hữu công trình theo hướng dẫn của Ban quản lý các khu công nghiệp, Ban quản lý khu kinh tế cửa khẩu.

b) Trình tự, thủ tục đối với nhà đầu tư trong các Khu công nghiệp, Khu kinh tế cửa khẩu đã có nhà đầu tư hạ tầng.

Bước 1. Gửi hồ sơ đăng ký đầu tư cho Ban quản lý các khu công nghiệp, Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu và nhà đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp định đầu tư;

Bước 2. Ban quản lý các khu công nghiệp, Ban quản lý khu kinh tế cửa khẩu phối hợp với nhà đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp giới thiệu lô đất phù hợp cho nhà đầu tư;

Bước 3. Nhà đầu tư ký hợp đồng nguyên tắc thuê lại đất (theo mẫu hợp đồng kèm trích lục bản đồ của lô đất);

Bước 4. Lập hồ sơ đăng ký đầu tư gửi Ban quản lý các khu công nghiệp, Ban quản lý khu kinh tế cửa khẩu để được cấp giấy chứng nhận đầu tư;

Bước 5. Thực hiện đánh giá tác động môi trường (nếu có), thủ tục thuê đất, thiết kế cơ sở (do Sở Xây dựng thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt), xin cấp giấy phép xây dựng, giấy chứng nhận sở hữu công trình theo hướng dẫn của Ban quản lý các khu công nghiệp, Ban quản lý khu kinh tế cửa khẩu.

Điều 18. Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

- Nhà đầu tư có quyền yêu cầu thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư được giải quyết nhanh nhất theo thời gian của từng loại thủ tục đã được quy định thời gian tối đa thực hiện từng loại thủ tục được nêu cụ thể tại biểu Phụ lục 4 (đính kèm.)

- Tổ tư vấn đầu tư (Sở Kế hoạch và Đầu tư) có trách nhiệm làm đầu mối tiếp thu các thông tin, các phản ánh và khó khăn, vướng mắc của Nhà đầu tư trong quá trình thực hiện các thủ tục đầu tư... đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh tháo gỡ, giải quyết kịp thời.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc triển khai Quy định này.

1. Giám đốc các sở, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã nơi doanh nghiệp đặt trụ sở hoặc nơi thực hiện dự án đầu tư có trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Bố trí cán bộ có trách nhiệm trực tiếp giải quyết hồ sơ và thời gian giải quyết các hồ sơ thủ tục đầu tư theo đúng hạn định tại Quy định này.

- Thường xuyên nghiên cứu cải tiến và đơn giản bớt các thủ tục, hồ sơ yêu cầu không thật sự cần thiết, đồng thời xây dựng riêng cơ chế xử lý giải quyết thủ tục đầu tư với các mẫu, biểu in sẵn thuận lợi để cung cấp cho nhà đầu tư và các ngành liên quan;

- Phối hợp và hỗ trợ nhà đầu tư trong việc giải phóng mặt bằng và thực hiện tái định cư.

- Công bố số điện thoại đường dây nóng để doanh nghiệp liên hệ khi cần thiết.

2. Các ngành, các cấp có liên quan đến thủ tục đầu tư có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin, các yêu cầu thủ tục cho Sở Kế hoạch & Đầu tư, Ban quản lý các khu công nghiệp, Ban quản lý khu kinh tế cửa khẩu có trách nhiệm phối hợp thực hiện các thủ tục có liên quan đến đầu tư do ngành, đơn vị mình phụ trách đúng thời hạn theo Quy định này.

3. Sở Kế hoạch & Đầu tư có trách nhiệm triển khai theo dõi thực hiện Quy định này. Định kỳ 06 tháng một lần có sơ kết, đánh giá báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện và những vấn đề mới phát sinh cần xử lý.

Trực tiếp bàn bạc cùng các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị để cùng xử lý những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Quy định, nếu không giải quyết được hoặc có những vấn đề chưa thống nhất phải báo cáo kịp thời Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét xử lý ngay.

4. Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh ban hành công khai các khoản thu chi phí, lệ phí, hướng dẫn thanh quyết toán các chi phí ưu đãi theo từng thủ tục đầu tư tại phụ lục IV của Quy định này làm cơ sở cho nhà đầu tư, các sở, ban ngành thực hiện.

Điều 20. Xử lý vi phạm và khen thưởng

1. Đối với các nhà đầu tư:

Từ khi có chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh trong vòng 06 tháng nhà đầu tư phải lập quy hoạch chi tiết (nếu có) hoặc dự án đầu tư; Nếu vừa phải lập Quy hoạch chi tiết và Dự án đầu tư thì thời gian là 12 tháng, quá hạn mà nhà đầu tư không xin gia hạn hoặc không có lý do chính đáng để gia hạn thì Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo huỷ chủ trương đầu tư.

Dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư mà sau 12 tháng, nhà đầu tư không triển khai hoặc dự án chậm tiến độ quá 12 tháng so với tiến độ thực hiện dự án đầu tư quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư thì Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ thu hồi giấy chứng nhận đầu tư nếu nhà đầu tư không gia hạn hoặc có lý do chính đáng.

2. Đối với các cơ quan, đơn vị trong tỉnh:

Quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Kịp thời động viên, khen thưởng các cơ quan, đơn vị có thành tích xuất sắc trong việc triển khai thực hiện tốt Quy định này.

b) Nghiêm khắc xử lý kỷ luật các cơ quan, đơn vị khi để xảy ra các trường hợp sau:

- Công chức, viên chức trong đơn vị làm không hết trách nhiệm, hướng dẫn không tận tình làm nhà đầu tư phải đi bổ sung hồ sơ nhiều lần.

- Thực hiện thủ tục không đảm bảo thời gian quy định mà không có báo cáo lý do chính đáng.

- Chậm triển khai thực hiện hoặc thực hiện không nghiêm Quy định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Trương Tấn Chiểu

Phụ lục I

DANH MỤC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC GIAI ĐOẠN 2008-2010

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72 /2008/QĐ-UBND ngày 27 /10/2008 của UBND tỉnh)

STT	Tên chương trình - Dự án	Mục tiêu dự án	Hình thức đầu tư	Quy mô dự án	Vốn đầu tư	Địa điểm	Đối tác liên hệ	Tiện ích
DỰ ÁN NGÀNH CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT								
1	Dự án chế tạo cơ khí máy móc công, nông nghiệp	Chế tạo các loại cơ khí máy móc công, nông nghiệp	Liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài	Tùy thuộc vào quy mô dự án	10-15 triệu USD	Các khu công nghiệp của tỉnh	Tìm kiếm đối tác trong quá trình sản xuất kinh doanh	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng
2	Dự án sản xuất thiết bị điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin	Sản xuất các loại thiết bị điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu	Liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài	Tùy thuộc vào quy mô dự án	05-10 triệu USD	KCN Sài Gòn - Bình Phước	Tìm kiếm đối tác trong quá trình sản xuất kinh doanh	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng
3	Nhà máy chế biến cao su tổng hợp	Sản xuất chế biến các sản phẩm cao su phục vụ da dụng...	Liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài	Tùy thuộc vào từng sản phẩm cụ thể	50-100 triệu USD	KCN Minh Hưng III, Bắc Đồng Phú	Các công ty cao su trên địa bàn tỉnh	Nguồn nguyên liệu phong phú tại địa phương; điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng
4	Nhà máy sản xuất giày da xuất khẩu	Sản xuất giày da, giày thể thao xuất khẩu	Liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài	Tùy thuộc vào từng sản phẩm cụ thể	05-10 triệu USD	KCN: Chơn Thành I, Tân thành, Minh Hưng, Sài Gòn - Bình Phước	Các công ty cao su trên địa bàn tỉnh	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng
5	Dự án sản xuất sơn chất lượng cao, sơn chuyên dùng	Sản xuất tiêu thụ sơn chất lượng cao sơn chuyên dùng phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu	Liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài	Tùy thuộc vào quy mô dự án	05-10 triệu USD	Các khu công nghiệp của tỉnh	Tìm kiếm đối tác trong quá trình sản xuất kinh doanh	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng
6	Nhà máy sản xuất gạch men	Sản xuất gạch chất lượng cao phục vụ xây dựng	Liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài	Công suất 1 triệu m ² / năm	35 tỷ đồng	KCN: Chơn Thành I, Tân thành, Minh Hưng, Sài Gòn - Bình Phước	Các đại lý kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng, nguồn nguyên liệu sẵn có của địa phương

7	Nhà máy sản xuất và lắp ráp đồ điện gia dụng	Chuyên sản xuất và lắp ráp đồ điện gia dụng	Liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài	Công suất 1 triệu SP/ năm	50 tỷ đồng	Các khu công nghiệp của tỉnh	Tìm kiếm đối tác trong quá trình sản xuất kinh doanh	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng.
8	Xưởng sản xuất đồ dùng gia đình bằng vật liệu mới	Sản xuất các loại đồ dùng sinh hoạt trong gia đình	Trong nước hoặc liên doanh	Công suất 10.000 SP/ năm	40 tỷ đồng	Các huyện trong tỉnh	Tìm kiếm đối tác trong quá trình sản xuất kinh doanh	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng
9	Khai thác các mỏ sét, laterite, puzolan	Khai thác các mỏ sét, laterite, puzolan	Đầu tư trong nước	Công suất 1000 m ³ / năm	550 tỷ đồng	Huyện Bình Long, Phước Long và Lộc Ninh	Tìm kiếm đối tác trong quá trình sản xuất kinh doanh	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng.
10	Nhà máy lắp ráp máy tính.	Chuyên lắp ráp máy tính	Liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài	Công suất 10.000 SP/ năm	30 tỷ VNĐ	Các huyện trong tỉnh	Tìm kiếm đối tác trong quá trình sản xuất kinh doanh	Điều kiện hạ tầng và chính sách đầu tư thông thoáng.
11	Trung tâm công nghệ phần mềm.	Cài đặt phần mềm máy vi tính.	Liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài	Từ 5-10 ha.	15 tỷ VNĐ	Các huyện trong tỉnh	Tìm kiếm đối tác trong quá trình thực hiện dự án	Chính sách đầu tư thông thoáng. Nhu cầu sử dụng lớn.
II								
NGÀNH NÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM								
12	Nhà máy chế biến trái cây, nước trái cây ép đóng hộp	Chế biến trái cây các loại, nước quả ép...	Liên doanh	5 triệu lít/ năm	05 - 10 triệu USD	Các khu công nghiệp của tỉnh	Tìm kiếm đối tác trong quá trình sản xuất kinh doanh	Nguồn nguyên liệu phong phú tại địa phương; điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng
13	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất nước ép, rượu từ trái điều	Khai thác tối đa hóa nguồn nguyên liệu sẵn có của địa phương tạo ra sản phẩm mới trong chuỗi giá trị của ngành.	Đầu tư trong nước	Nước ép quả điều 645,000 lít/ năm Rượu cần: 1800.000 lít/ năm	30 tỷ đồng	Huyện Phước Long, Bù Đăng, Đònh Phú	Tìm kiếm đối tác trong quá trình sản xuất kinh doanh	Nguồn nguyên liệu phong phú tại địa phương; điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng

14	Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm sau nhân điều, vô điều	Đa dạng hoá sản phẩm chế biến từ hạt điều, vô hạt điều thực phẩm chất lượng cao đáp ứng tiêu dùng phục vụ trong nước và xuất khẩu	Liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài	SP sau nhân điều 2.900 tấn/năm Đầu vô hạt điều 13.000 tấn/năm	40 tỷ đồng	Các khu công nghiệp của tỉnh	Tìm kiếm đối tác trong quá trình sản xuất kinh doanh	Nguồn nguyên liệu phong phú tại địa phương; điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng
15	Nhà máy chế biến thịt hộp	chế biến các loại sản phẩm đông lạnh từ thịt	Liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài	1.500 tấn SP/năm	30 tỷ đồng	Tại các huyện trên địa bàn tỉnh	Nông trại chăn nuôi gia súc của tỉnh	Nguồn nguyên liệu sẵn có của địa phương
16	Công ty thu gom chế biến rau sạch dùng trong nước và xuất khẩu	Sản xuất và thu gom các loại rau sạch phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu	Liên doanh	10 ha	1 triệu USD	Tại các huyện trên địa bàn tỉnh	Tìm kiếm đối tác trong quá trình sản xuất kinh doanh	Nguồn nguyên liệu phong phú tại địa phương; điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng
THỦ CÔNG MỸ NGHỆ								
17	Dự án sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu	Sản xuất các sản phẩm thủ công mỹ nghệ	Liên doanh	3 ha	2 triệu USD	Tại các huyện trên địa bàn tỉnh, KCN Minh Hưng III	Tìm kiếm đối tác trong quá trình sản xuất kinh doanh	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng
18	Nhà máy sản xuất gạch men gốm sứ cao cấp	Sản xuất các loại men gốm sứ cao cấp cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu	Liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài	3 ha	5 triệu USD	Tại các huyện trên địa bàn tỉnh	Tìm kiếm đối tác trong quá trình sản xuất kinh doanh	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng
NGÀNH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - DU LỊCH								
19	Dự án khu du lịch sinh thái - lịch sử bộ chỉ huy miền (B2) Tà Thiết	Khu du lịch sinh thái, lịch sử...	Đầu tư trong nước	3.500 ha	1.140 tỷ VNĐ	Xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh	Tìm kiếm đối tác trong quá trình thực hiện dự án	Tôn tạo, duy tu và nâng cấp, khai thác tiềm năng, phát triển du lịch
20	Dự án đầu tư khu lâm viên thị xã Đồng Xoài	Đầu tư khu lâm viên tại trung tâm hành chính	Đầu tư trong nước	70 ha	50 tỷ VNĐ	Thị xã Đồng Xoài	Cty CP ĐT XD Cơ sở hạ tầng	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng, ngay trung tâm thị xã

21	Dự án khôi phục làng văn hóa các dân tộc thiểu số Sóc Bom Bo	Khôi phục và bảo tồn giá trị văn hóa - lịch sử Sóc Bom Bo	Đầu tư trong nước	20 ha	2 triệu USD	Xã Bom Bo, huyện Bù Đăng	Tìm kiếm đối tác trong quá trình thực hiện dự án	Gắn QL14 hướng đi tây nguyên và các tỉnh Đông Nam bộ
22	Xây dựng Khu du lịch núi Bà Rá - Thác Mơ	Xây dựng khu du lịch trọng điểm của tỉnh để đón khách du lịch trong và ngoài nước	Đầu tư trong nước	1.500 ha	30 triệu USD	Huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước	Tìm kiếm đối tác trong quá trình thực hiện dự án	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng.
23	Xây dựng khu sinh thái Vườn quốc gia Bù Gia Mập	Đầu tư, xây dựng phát triển bảo tồn các loài động vật quý hiếm, phục vụ du lịch sinh thái mạo hiểm	Đầu tư trong nước	1.032 ha	10 triệu USD	Xã Bù Gia Mập, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước	Tìm kiếm đối tác trong quá trình thực hiện dự án	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng.
24	Trùng tu tôn tạo các di tích liên quan đến đoạn cuối đường Hồ Chí Minh trên địa bàn tỉnh Bình Phước	Trùng tu, tôn tạo điểm cuối đường mòn	Đầu tư trong nước	35 ha	5 triệu USD	Huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Tìm kiếm đối tác trong quá trình thực hiện dự án	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng.
25	Dự án khu vui chơi, giải trí tổng hợp Hồ suối Cam	Đầu tư khai thác các dịch vụ giải trí tổng hợp	Đầu tư trong nước	237 ha	324 tỷ VND	Phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài	Tìm kiếm đối tác trong quá trình thực hiện dự án	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng, ngay trung tâm thị xã
NGÀNH CÔNG NGHIỆP XÂY DỰNG								
26	Dự án xây dựng Khu công nghiệp làng nghề	Đầu tư tất cả các ngành nghề	Đầu tư trong nước	40 ha	Tùy theo quy mô dự án	Xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh	Tìm kiếm đối tác trong quá trình thực hiện dự án	Điều kiện hạ tầng thuận lợi; chính sách đầu tư thông thoáng.
27	Dự án xây dựng chung cư cao tầng	Xây dựng các khu chung cư cao tầng, công viên cây xanh, sân chơi thể thao, hồ bơi	Khuyến khích mọi hình thức đầu tư	5-10 ha	Tùy theo quy mô dự án	Chon Thành, Phước Long, Đồng Xoài	Tìm kiếm đối tác trong quá trình thực hiện dự án	Tình chủ trương kêu gọi các dự án này để tạo môi trường sống hiện đại văn minh.
NGÀNH Y TẾ - GIÁO DỤC								
28	Trung tâm đào tạo lao động kỹ thuật cao	Đào tạo lao động công nhân kỹ thuật bậc cao	Khuyến khích đầu tư trực tiếp hoặc liên doanh	1000 học viên/ khóa học	02-05 triệu USD	Thị xã Đồng Xoài	Tìm kiếm đối tác trong quá trình thực hiện dự án	Ưu đãi, khuyến khích đầu tư, tạo nguồn lao động tay nghề cao cho tỉnh
29	Đầu tư xây dựng các trường dân lập, tư thục cấp 3	Xã hội hóa giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục	Khuyến khích đầu tư trực tiếp hoặc liên doanh	Tùy thuộc quy mô của dự án	02-05 triệu USD	Thị xã Đồng Xoài	Tìm kiếm đối tác trong quá trình thực hiện dự án	Chính sách đầu tư thông thoáng. Số lượng học viên lớn, ổn định

30	Đầu tư xây dựng bệnh viện phụ sản	Xây dựng bệnh viện phụ sản	Khuyến khích đầu tư trực tiếp	50-100 giường	30-70 tỷ VNĐ	Thị xã Đông Xoài	Tìm kiếm đối tác trong quá trình thực hiện dự án	Chính sách đầu tư thông thoáng.
31	Trung tâm chuẩn đoán và điều trị y học	Đầu tư xây dựng Trung tâm dịch vụ chuẩn đoán và điều trị y học	Khuyến khích đầu tư trực tiếp	200-300 giường	20-30 triệu USD	Thị xã Đông Xoài	Tìm kiếm đối tác trong quá trình thực hiện dự án	Chính sách đầu tư thông thoáng.
32	Dự án đầu tư xây dựng Trường cao đẳng nghề	Xã hội hóa giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục	Khuyến khích đầu tư trực tiếp	500 học viên/khóa học	02-05 triệu USD	Huyện Chơn Thành, Đông Xoài	Tìm kiếm đối tác trong quá trình thực hiện dự án	Thuận chủ trương, ưu đãi, khuyến khích đầu tư của tỉnh
33	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm dạy nghề các huyện Đồng Phú, Bù Đốp, Lộc Ninh	Nâng cao tay nghề công nhân kỹ thuật bậc cao	Khuyến khích đầu tư trực tiếp hoặc liên doanh	03 ha	02-03 triệu USD	Huyện Đồng Phú, Bù Đốp, Lộc Ninh	Tìm kiếm đối tác trong quá trình thực hiện dự án	Chính sách đầu tư thông thoáng. Số lượng học viên lớn, ổn định
34	Dự án đầu tư xây dựng các Trung tâm giới thiệu việc làm	Tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động	Khuyến khích đầu tư trực tiếp hoặc liên doanh	02 ha	20 tỷ VNĐ	Huyện Chơn Thành, Đông Xoài	Tìm kiếm đối tác trong quá trình thực hiện dự án	Chính sách đầu tư thông thoáng. Số lượng học viên lớn, ổn định
35	Dự án sản xuất tân dược và nguyên liệu thuốc kháng sinh	Xây dựng nhà máy sản xuất tân dược và nguyên liệu thuốc kháng sinh phục trong nước và xuất khẩu	Liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài	50ha	10-20 triệu USD	Các huyện trong tỉnh	Tìm kiếm đối tác trong quá trình thực hiện dự án	Chính sách đầu tư thông thoáng. Nhu cầu sử dụng lớn.

11/10/2014



Phụ lục II

DANH MỤC LĨNH VỰC ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-UBND ngày 27/10/2008 của UBND tỉnh)

A. DANH MỤC LĨNH VỰC ĐẶC BIỆT ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

I. Sản xuất vật liệu mới, năng lượng mới; sản xuất sản phẩm công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin; cơ khí chế tạo

1. Sản xuất vật liệu composit, các loại vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm.
2. Sản xuất thép cao cấp, hợp kim, kim loại đặc biệt, sắt xốp, phôi thép.
3. Đầu tư xây dựng cơ sở sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió.
4. Sản xuất thiết bị y tế trong công nghệ phân tích và công nghệ chiết xuất trong y học; dụng cụ chỉnh hình, xe, dụng cụ chuyên dùng cho người tàn tật.
5. Dự án ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sinh học để sản xuất thuốc chữa bệnh cho người đạt tiêu chuẩn GMP quốc tế; sản xuất nguyên liệu thuốc kháng sinh.
6. Sản xuất máy tính, thiết bị thông tin, viễn thông, Internet, sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm.
7. Sản xuất chất bán dẫn và các linh kiện điện tử kỹ thuật cao; sản xuất sản phẩm phần mềm, nội dung thông tin số; cung cấp các dịch vụ phần mềm, nghiên cứu công nghệ thông tin, đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin.
8. Đầu tư sản xuất, chế tạo thiết bị cơ khí chính xác; thiết bị, máy móc kiểm tra, kiểm soát an toàn quá trình sản xuất công nghiệp; rô bốt công nghiệp.

II. Nuôi trồng, chế biến nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; sản xuất giống nhân tạo, giống cây trồng và giống vật nuôi mới

9. Trồng, chăm sóc rừng.
10. Nuôi trồng nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trên đất hoang hoá, vùng nước chưa được khai thác.
11. Sản xuất giống mới, nhân và lai tạo giống cây trồng và vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao.

III. Sử dụng công nghệ cao, kỹ thuật hiện đại; bảo vệ môi trường sinh thái; nghiên cứu, phát triển và ươm tạo công nghệ cao

12. Ứng dụng công nghệ cao; ứng dụng công nghệ mới chưa được áp dụng tại Việt Nam; ứng dụng công nghệ sinh học.
13. Xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường; sản xuất thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường, thiết bị quan trắc và phân tích môi trường.
14. Thu gom, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn; tái chế, tái sử dụng chất thải.
15. Nghiên cứu, phát triển và ươm tạo công nghệ cao.

IV. Sử dụng nhiều lao động

16. Dự án sử dụng thường xuyên từ 5.000 lao động trở lên.

V. Xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án quan trọng

17. Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế và các dự án quan trọng do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

VI. Phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, thể dục và thể thao

18. Thành lập cơ sở thực hiện vệ sinh phòng chống dịch bệnh.

19. Thành lập trung tâm lão khoa, hoạt động cứu trợ tập trung, chăm sóc người tàn tật, trẻ mồ côi.

20. Xây dựng trung tâm đào tạo, huấn luyện thể thao thành tích cao, thể thao cho người tàn tật, cơ sở thể thao có thiết bị, phương tiện luyện tập và thi đấu đáp ứng yêu cầu tổ chức các giải thi đấu quốc tế.

VII. Những lĩnh vực sản xuất, dịch vụ khác

21. Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) chiếm 25% doanh thu trở lên.

22. Đầu tư xây dựng chung cư cho công nhân làm việc tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; đầu tư xây dựng ký túc xá sinh viên và xây dựng nhà ở cho các đối tượng chính sách xã hội.

B. DANH MỤC LĨNH VỰC ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

I. Sản xuất vật liệu mới, năng lượng mới; sản xuất sản phẩm công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, cơ khí chế tạo

1. Sản xuất: vật liệu cách âm, cách điện, cách nhiệt cao; vật liệu tổng hợp thay thế gỗ; vật liệu chịu lửa; chất dẻo xây dựng; sợi thủy tinh; xi măng đặc chủng.
2. Sản xuất kim loại màu, luyện gang.
3. Sản xuất khuôn mẫu cho các sản phẩm kim loại và phi kim loại.
4. Đầu tư xây dựng mới nhà máy điện, phân phối điện, truyền tải điện.
5. Sản xuất trang thiết bị y tế, xây dựng kho bảo quản dược phẩm, dự trữ thuốc chữa bệnh cho người đề phòng thiên tai, thảm họa, dịch bệnh nguy hiểm.
6. Sản xuất thiết bị kiểm nghiệm độc chất trong thực phẩm.
7. Sản xuất than cốc, than hoạt tính.
8. Sản xuất: thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu bệnh; thuốc phòng, chữa bệnh cho động vật, thủy sản; thuốc thú y.
9. Nguyên liệu thuốc và thuốc phòng chống các bệnh xã hội; vắc xin; sinh phẩm y tế; thuốc từ dược liệu; thuốc đông y;
10. Đầu tư xây dựng cơ sở thử nghiệm sinh học, đánh giá tính khả dụng của thuốc; cơ sở dược đạt tiêu chuẩn thực hành tốt trong sản xuất, bảo quản, kiểm nghiệm, thử nghiệm lâm sàng thuốc, nuôi trồng, thu hoạch và chế biến dược liệu.
11. Phát triển nguồn dược liệu và sản xuất thuốc từ dược liệu; dự án nghiên cứu, chứng minh cơ sở khoa học của bài thuốc đông y và xây dựng tiêu chuẩn kiểm

nghiệm bài thuốc đông y; khảo sát, thống kê các loại dược liệu làm thuốc; sưu tầm, kế thừa và ứng dụng các bài thuốc đông y, tìm kiếm, khai thác sử dụng dược liệu mới.

12. Sản xuất sản phẩm điện tử.

13. Sản xuất máy móc, thiết bị, cụm chi tiết trong các lĩnh vực: xi măng; sản xuất thiết bị nâng hạ cỡ lớn; sản xuất máy công cụ gia công kim loại, thiết bị luyện kim.

14. Đầu tư sản xuất khí cụ điện trung, cao thế, máy phát điện cỡ lớn.

15. Sản xuất: thiết bị, xe, máy xây dựng; thiết bị kỹ thuật cho ngành vận tải; đầu máy xe lửa, toa xe.

16. Đầu tư sản xuất máy công cụ, máy móc, thiết bị, phụ tùng, máy phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp, máy chế biến thực phẩm, thiết bị tưới tiêu.

17. Đầu tư sản xuất thiết bị, máy cho ngành dệt, ngành may, ngành da, .

II. Nuôi trồng, chế biến nông, lâm, thủy sản, làm muối; sản xuất giống nhân tạo, giống cây trồng và giống vật nuôi mới

18. Trồng cây dược liệu.

19. Đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch, bảo quản nông, thủy sản và thực phẩm.

20. Sản xuất nước hoa quả đóng chai, đóng hộp.

21. Sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

22. Dịch vụ kỹ thuật trồng cây công nghiệp và cây lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản, bảo vệ cây trồng, vật nuôi.

23. Sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng và vật nuôi.

III. Sử dụng công nghệ cao, kỹ thuật hiện đại; bảo vệ môi trường sinh thái; nghiên cứu, phát triển và ươm tạo công nghệ cao

24. Sản xuất thiết bị xử lý chất thải.

25. Đầu tư xây dựng cơ sở, công trình kỹ thuật: phòng thí nghiệm, trạm thí nghiệm nhằm ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất; đầu tư thành lập viện nghiên cứu.

IV. Sử dụng nhiều lao động

26. Dự án sử dụng thường xuyên từ 500 lao động đến 5.000 lao động.

V. Xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng

27. Xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã và phục vụ đời sống cộng đồng nông thôn.

28. Đầu tư kinh doanh hạ tầng và đầu tư sản xuất trong cụm công nghiệp, điểm công nghiệp, cụm làng nghề nông thôn.

29. Xây dựng nhà máy nước, hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt, phục vụ công nghiệp, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước.

30. Xây dựng, cải tạo cầu, đường bộ, cảng hàng không, sân bay, bến cảng, nhà ga, bến xe, nơi đỗ xe; mở thêm các tuyến đường sắt.

31. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tập trung ở địa bàn thuộc Phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này.



VI. Phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, thể dục, thể thao và văn hóa dân tộc

32. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của các cơ sở giáo dục, đào tạo; đầu tư xây dựng trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo dân lập, tư thục ở các bậc học: giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, giáo dục đại học.

33. Thành lập bệnh viện dân lập, bệnh viện tư nhân.

34. Xây dựng: trung tâm thể dục, thể thao, nhà tập luyện, câu lạc bộ thể dục thể thao; cơ sở sản xuất, chế tạo, sửa chữa trang thiết bị, phương tiện tập luyện thể dục thể thao.

35. Thành lập: nhà văn hoá dân tộc; đoàn ca, múa, nhạc dân tộc; rạp hát, trường quay, cơ sở in tráng phim, rạp chiếu phim; sản xuất, chế tạo, sửa chữa nhạc cụ dân tộc; duy tu, bảo tồn bảo tàng, nhà văn hoá dân tộc và các trường văn hóa nghệ thuật.

36. Đầu tư xây dựng: khu du lịch quốc gia, khu du lịch sinh thái; khu công viên văn hóa có các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí.

VII. Phát triển ngành nghề truyền thống.

37. Xây dựng và phát triển các ngành nghề thủ công mỹ nghệ và ngành nghề truyền thống về sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, chế biến nông sản thực phẩm, các sản phẩm văn hóa.

VIII. Những lĩnh vực sản xuất, dịch vụ khác

38. Cung cấp dịch vụ kết nối, truy cập và ứng dụng internet, các điểm truy cập điện thoại công cộng tại địa bàn quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này.

39. Phát triển vận tải công cộng bao gồm: phương tiện vận tải hành khách đường bộ bằng xe ô tô từ 24 chỗ ngồi trở lên, phương tiện chở công-ten-nơ.

40. Đầu tư di chuyển cơ sở sản xuất ra khỏi nội thị.

41. Đầu tư xây dựng chợ loại I, khu triển lãm.

42. Sản xuất đồ chơi trẻ em.

43. Hoạt động huy động vốn, cho vay vốn của Quỹ tín dụng nhân dân.

44. Tư vấn pháp luật, dịch vụ tư vấn về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.

45. Sản xuất các loại nguyên liệu thuốc trừ sâu bệnh.

46. Sản xuất hoá chất cơ bản, hoá chất tinh khiết, hóa chất chuyên dùng, thuốc nhuộm.

47. Sản xuất nguyên liệu chất tẩy rửa, phụ gia cho ngành hoá chất.

48. Sản xuất giấy, bìa, ván nhân tạo trực tiếp từ nguồn nguyên liệu nông, lâm sản trong nước; sản xuất bột giấy.

49. Dệt vải, hoàn thiện các sản phẩm dệt; sản xuất tơ, sợi các loại; thuốc, sơ chế da.

50. Dự án đầu tư sản xuất trong các khu công nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

Phụ lục III

ĐIÀ BÀN ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-UBND ngày 27/10/2008 của UBND tỉnh)

1/ Địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn gồm các huyện:

- Bình Long;
- Chơn Thành;
- Phước Long;
- Đồng Phú.

- Các KCN được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và theo quy định tại Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ Quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.

2/ Địa bàn có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn gồm các huyện:

- Lộc Ninh;
- Bù Đăng;
- Bù Đốp.

1847

Phụ lục IV
QUY ĐỊNH THỜI GIAN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC ĐẦU TƯ KÈ TỪ KHI
NHẬN ĐỦ HỒ SƠ HỢP LỆ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/2008/QĐ-UBND ngày 27/10/2008 của UBND tỉnh)

I/Thời gian giải quyết thủ tục đầu tư trong Khu kinh tế cửa khẩu.

TT	Nội dung	Thời gian giải quyết thủ tục (ngày làm việc)		Ghi chú
		Quy định của Trung ương	Thực hiện tại BQL KKT	
1	Cấp giấy chứng nhận đầu tư			
-	Đăng ký cấp giấy chứng nhận đầu tư	15	03	Tiếp nhận và xử lý: 02; trình ký: 01 ngày
-	Thẩm tra cấp giấy chứng nhận	38	10	Tiếp nhận và lấy ý kiến các phòng, ban, Sở, ngành: 05 ngày; Xử lý hồ sơ và trình ký: 05 ngày
-	Thẩm tra cấp GCNĐT có chấp thuận chủ trương của Thủ tướng Chính phủ	55	30	Tiếp nhận và lấy ý kiến các Bộ, ngành, 13 ngày; lập báo cáo thẩm tra trình Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư: 07 ngày; Văn phòng Chính phủ thông báo bằng văn bản ý kiến của Thủ tướng: 08 ngày; Cấp GCNĐT: 02 ngày
2	Công an tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, đăng ký để trả con dấu và Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu cho DN	02	02	Thời gian được tính từ thời điểm Công an tỉnh nhận được con dấu từ cơ sở khắc dấu
3	Cục thuế giải quyết thủ tục đăng ký mã số thuế	02	02	BQL KKTCK tiếp nhận và giải quyết theo thẩm quyền.
4	Giải quyết các thủ tục về xây dựng:			BQL KKTCK tiếp nhận và giải quyết theo thẩm quyền.
-	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng	20	05	

-	Cấp chứng chỉ quy hoạch đối với các DAĐT đã được phê duyệt quy hoạch	-	03	
-	Cấp chứng chỉ quy hoạch hoặc ra văn bản chấp thuận quy hoạch	-	02	
-	Cấp Giấy phép xây dựng (GPXD)	20	05	
-	Thẩm định dự án đầu tư			
+	Đối với các dự án thuộc nhóm B	15	10	
+	Đối với các dự án thuộc nhóm C	10	07	
-	Thẩm định thiết kế cơ sở			
+	Đối với các dự án thuộc nhóm B	30	10	
+	Đối với các dự án thuộc nhóm C	20	07	
-	Cấp giấy chứng nhận sở hữu công trình	-	20	
5	Giải quyết các thủ tục theo thẩm quyền:			BQL KKTCK tiếp nhận và giải quyết theo thẩm quyền.
-	Thủ tục giao đất, cho thuê đối với đất đã được GPMB	20	20	
-	Thủ tục giao đất, cho thuê đất đối với đất chưa được GPMB đối với tổ chức	45	40	Không tính thời gian bồi thường
-	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	30	20	Tiếp nhận và lấy ý kiến các ngành liên quan: 08 ngày; thành lập hội đồng thẩm định và xử lý hồ sơ: 09 ngày; trình UBND tỉnh: 03 ngày
6	Cục Hải quan giải quyết thủ tục đăng ký hàng hoá XNK	Trong ngày	Trong ngày	02 giờ đối với hàng hóa xuất khẩu. 08 giờ đối với hàng hóa nhập khẩu.
7	Cấp chứng nhận an toàn PCCC.	-	05	Công an tỉnh thẩm định và cấp chứng nhận.

II/ Thời gian giải quyết thủ tục đầu tư trong Khu công nghiệp.

TT	Nội dung	Thời gian giải quyết thủ tục (ngày làm việc)		
		Quy định của Trung ương	Thực hiện tại BQL các KCN	Ghi chú
1	Cấp giấy chứng nhận đầu tư			
-	Đăng ký cấp giấy chứng nhận đầu tư	15	03	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển đến phòng nghiệp vụ: 01 ngày
-	Thẩm tra cấp giấy chứng nhận	38	10	BQL KCN tiếp nhận và giải quyết theo thẩm quyền.
-	Thẩm tra cấp GCNĐT có chấp thuận chủ trương của Thủ tướng Chính phủ	55	30	BQL KCN tiếp nhận và giải quyết theo thẩm quyền.
2	Cấp chứng chỉ quy hoạch đối với KCN đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết	-	03	Thời gian giải quyết từ khi nhận hồ sơ hợp lệ cho đến khi cấp chứng chỉ quy hoạch là 03 ngày
3	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động MT	24	20	BQL KCN tiếp nhận và giải quyết theo thẩm quyền.
	Thẩm định thiết kế cơ sở			
	Đối với các dự án thuộc nhóm B	30	10	
	Đối với các dự án thuộc nhóm C	20	07	
4	Giao đất, cho thuê đất		20	Cho thuê lại đất thời gian giải quyết 03 ngày làm việc
5	Cấp giấy phép xây dựng	20	05	BQL KCN tiếp nhận và giải quyết theo thẩm quyền.
6	Cấp giấy chứng nhận sở hữu công trình	55	20	BQL KCN tiếp nhận và giải quyết theo thẩm quyền.
7	Cấp chứng nhận an toàn PCCC.	-	05	Công an tỉnh thẩm định và cấp chứng nhận.

III/ Đầu tư bên ngoài Khu công nghiệp, Khu kinh tế.

TT	Nội dung	Thời gian giải quyết thủ tục (ngày-làm việc)		Ghi chú
		Quy định của Trung ương	Quy định của Tỉnh	
1	Tiếp nhận dự án thuận chủ trương.	-	07	- Tổ tư vấn: 05 ngày - UBND tỉnh: 02 ngày.
2	Cấp Giấy chứng nhận ĐKKD và Mã số thuế	05	05	Sở Kế hoạch & Đầu tư: 03 ngày Cục Thuế: 02 ngày
3	Cấp Giấy chứng nhận đầu tư			Do Sở KH&ĐT thẩm định.
-	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư	15	03	
-	Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư	38	10	
-	Thẩm tra cấp GCNĐT có chấp thuận chủ trương của Chính phủ	55	30	
-	Thẩm định dự án đầu tư			
+	Đối với các dự án thuộc nhóm A	30	20	
+	Đối với các dự án thuộc nhóm B	15	15	
+	Đối với các dự án thuộc nhóm C	10	10	
4	Cấp chứng nhận an toàn PCCC.		05 ngày	Công an tỉnh thẩm định và cấp chứng nhận.
5	Sở TN-MT giải quyết các thủ tục:			
-	Thủ tục giao đất, cho thuê đất đối với đất đã được GPMB	20	20	Hoặc không GPMB đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân người nước ngoài.
-	Thủ tục giao đất, cho thuê đất đối với đất chưa được GPMB đối với tổ chức	45	40	Chưa tính thời gian thực hiện việc bồi thường GPMB.
-	Thẩm định báo cáo đánh giá	24	20	

	ĐTM			
6	Sở Xây dựng giải quyết các thủ tục			
-	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng	20	10	
-	Cấp chứng chỉ quy hoạch đối với các DADT đã được phê duyệt quy hoạch	-	05	
-	Cấp chứng chỉ quy hoạch hoặc ra văn bản chấp thuận quy hoạch	-	10	Đối với trường hợp chưa có quy hoạch phải lấy ý kiến thỏa thuận về quy hoạch.
-	Cấp Giấy phép xây dựng (GPXD)	20	05	Trường hợp những DADT không phải lấy ý kiến các ngành. Có lấy ý kiến các Sở, ngành thời gian 10 ngày.
-	Thời gian đóng góp ý kiến của các ngành hữu quan phục vụ việc cấp GPXD	10	05	BCH QS tỉnh cũng áp dụng thời gian cho ý kiến chuyên ngành là 05 ngày.
-	Thẩm định thiết kế cơ sở			
+	Đối với các dự án thuộc nhóm A	40	20	Do Sở Xây dựng thẩm định ra kết quả thẩm định thiết kế cơ sở (phù hợp với phân cấp theo quy định của Chính phủ)
	Đối với các dự án thuộc nhóm B	30	10	
	Đối với các dự án thuộc nhóm C	20	07	
-	Cấp Giấy chứng nhận sở hữu công trình	55	20	
7	Cục Hải quan giải quyết thủ tục đăng ký hàng hóa XNK	Trong ngày	Trong ngày	- 02 giờ đối với hàng hóa xuất khẩu. - 08 giờ đối với hàng hóa nhập khẩu.

